

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2018/DS-ST

Ngày: 20.6.2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai các vụ án thụ lý số 58/2018/TLST – DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 và số 82/2018/TLST – DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và nợ hụi” theo Quyết định nhập vụ án số 06/2018/QĐST – DS ngày 13 tháng 4 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Ấp 2, xã LĐ, huyện C, tỉnh L

2/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 147, ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh L

- Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1974

2/ Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1969

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh L

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày như sau:

Bà và vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D có mối quan hệ quen biết nên bà có cho vợ chồng ông T, bà D vay tiền nhiều lần, không thỏa thuận lãi suất, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Bà cho bà D vay số tiền 7.000.000 đồng để đóng tiền học cho con

- Lần thứ hai: Ngày 14/5/2017 vợ chồng ông T, bà D vay của bà số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi vay được vài ngày, bà D vay tiếp của bà số tiền 69.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng

- Lần thứ 4: Ngày 06/8/2017 vợ chồng ông T, bà D vay của bà số tiền 330.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng

Tổng cộng số tiền bà đã cho vợ chồng ông T, bà D vay là 466.000.000 đồng. Ông T, bà D hẹn với bà sau khi vay tiền ở ngân hàng về sẽ trả lại toàn bộ tiền vay cho bà nhưng vợ chồng ông T, bà D không trả. Bà có đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà D hứa hẹn hoài không trả. Từ ngày 18/3/2018 vợ chồng ông T, bà D đã bỏ địa phương đi đến nay không liên lạc được.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền đã vay là 466.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Giữa bà với vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D có mối quan hệ bà con thân thuộc nên bà có cho vợ chồng ông T, bà D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 30/7/2017 bà cho vay số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,6% / tháng. Sau khi vay ông T, bà D trả lãi được 02 tháng thì ngưng không trả nữa.

- Tháng 8/2017 bà cho vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì lãi 5.000 đồng/ngày. Ông T, bà D chỉ trả lãi được 01 tháng thì ngưng không trả nữa.

- Tháng 9/2017 bà cho vay 02 lần tiền gồm:

+ Lần thứ nhất cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì lãi 5.000 đồng/ngày. Ông T, bà D chỉ trả lãi được 04 tuần thì ngưng không trả nữa.

+ Lần thứ hai cho vay số tiền 18.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì lãi 5.000 đồng/ngày. Ông T, bà D trả lãi được 03 tuần thì ngưng luôn đến nay.

- Ngoài ra vợ chồng ông T, bà D còn tham gia chơi hụi do bà làm chủ thảo gồm 02 phần hụi tháng 1.000.000 đồng khai ngày 05/9/2016 (DL), vợ chồng ông T, bà D đã hót hụi nhưng đóng hụi chết không đầy đủ hiện còn nợ tiền hụi chết chưa đóng cho bà số tiền là 4.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng số tiền bà đã cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D vay và nợ hụi là 68.000.000 đồng; vào ngày 02/02/2018 ông T, bà D cũng đã ký giấy xác nhận nợ với bà. Từ khi hai bên ký xác nhận nợ bà có đến gặp vợ chồng ông T, bà D đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà D cứ hứa hẹn hoài không trả. Hiện nay vợ chồng ông T, bà D đã bỏ địa phương đi nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D phải có nghĩa vụ liên đới

hoàn trả cho bà số tiền 68.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi vợ chồng ông T, bà D đã trả bà không yêu cầu điều chỉnh lại.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà D vẫn không đến tham gia hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D nhưng ông T, bà D không đến tham dự phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông T, bà D.

* Về nội dung:

[1] Tranh chấp giữa bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị L với vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D là tranh chấp hợp đồng vay và nợ hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu vợ chồng ông T, bà D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đ số tiền vốn vay là 466.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà Đ cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là các giấy biên nhận tiền của các lần vay có chữ ký và chữ viết họ tên của vợ chồng ông T, bà D.

Bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L số tiền vốn vay và nợ hui là 68.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà L cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy xác nhận nợ ngày 02/02/2018 có chữ ký và chữ viết họ tên của vợ chồng ông T, bà D.

Xét thấy vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông T, bà D vẫn không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử nên vợ chồng ông T, bà D phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình.

Do đó căn cứ vào các giấy nhận nợ do các nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết họ tên của vợ chồng ông T, bà D Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông T, bà D có nợ tiền vay và nợ hui của bà Đ và bà L nên buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 466.000.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 68.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đ, bà L cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng ông T, bà D phải chịu thêm khoản

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Ngọc D phải nộp 25.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Đ 11.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000906 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000828 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

